

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS-ST

Ngày: 12-7-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lại.
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số 315/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bé H, sinh năm: 1978; Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị P, sinh năm: 1978; Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 01-10-2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Bé H trình bày:**

Ngày 17-7-2019 (nhằm ngày 15-6-2019 âm lịch), chị cho chị P vay

10.000.000 đồng dưới hình thức tiền góp 200.000 đồng/ngày, thỏa thuận cứ 05 ngày chị sẽ nhận 1.000.000 đồng.

Ngày 12-7-2019 (nhằm ngày 10-6-2019 Âm lịch), chị cho chị P vay 15.000.000 đồng, thỏa thuận lãi 45.000 đồng/ngày, thời hạn vay là 03 tháng.

Ngoài ra, chị P còn vay của chị 6.000.000 đồng nhưng không làm giấy tờ, số tiền này chị P vay tạm vài ngày nên không thỏa thuận lãi.

Ngày 02-01-2022 (nhằm ngày 30-12-2021 Âm lịch), chị P có thanh toán được 1.000.000 đồng nợ gốc, đến nay thì không thanh toán thêm được khoản tiền gốc và lãi nào. Số tiền thực chất chị P còn nợ chị là 30.000.000 đồng, nếu chị P xác nhận còn nợ chị là 26.000.000 đồng thì chị cũng đồng ý chỉ yêu cầu chị P trả 26.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chị xác định giấy nợ viết tay thể hiện số tiền 123.000.000 chị cung cấp kèm theo đơn khởi kiện là không đúng, chị cung cấp lại một giấy nợ viết tay thể hiện khoản vay 10.000.000 đồng và 15.000.000 đồng, chị xác nhận ngoài khoản vay yêu cầu giải quyết trong vụ án này, chị P không còn nợ chị khoản vay nào khác.

**** Bị đơn - chị Ngô Thị P - trình bày tại Biên bản lấy lời KH ngày 12 tháng 4 năm 2022:***

Chị chỉ vay của chị Bé H khoản vay 10.000.000 đồng dưới hình thức tiền góp 200.000 đồng/ngày trong 60 ngày và khoản vay 15.000.000 đồng với lãi suất 150.000 đồng/ngày, vay trả lãi mỗi ngày đến khi nào trả đủ nợ gốc. Việc vay tiền không có giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng, chị đã trả lãi nhưng không xác định được là bao nhiêu và không có chứng cứ chứng minh. Hiện, chị chỉ còn nợ chị Bé H cả gốc, lãi là 26.000.000 đồng và chị Bé H vẫn còn nợ tiền hui của chị.

Chị P đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công KH chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không lý do.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đều đã tuân thủ theo đúng quy định. **Về nội dung:** Căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé H, chị P chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa, chị Bé H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ H nhưng vắng mặt, không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị P thừa nhận có vay của chị Bé H khoản vay 10.000.000 đồng trả góp 200.000 đồng/ngày trong 60 ngày và khoản vay 15.000.000 đồng với lãi suất 150.000 đồng/ngày, vay trả lãi mỗi ngày đến khi nào trả đủ nợ gốc. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “...*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”, có cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa H bên đối với H khoản vay là 15.000.000 đồng và 10.000.000 đồng là có thật. Theo đó, khoản vay 10.000.000 đồng ngày 17-7-2019 (nhằm ngày 15-6-2019 âm lịch) là hợp đồng vay có lãi, có thời hạn theo quy định tại Điều 463, 470 Bộ luật Dân sự. Đối với khoản vay 15.000.000 đồng ngày 12-7-2019 (nhằm ngày 10-6-2019 Âm lịch), các bên trình bày không thống nhất về thời hạn vay, giấy nợ không thể hiện thời hạn vay nên là hợp đồng vay có lãi, không thời hạn theo quy định tại 463, 469 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Chị P không thừa nhận có vay 6.000.000 đồng không có giấy tờ nhưng xác định sau khi trả tiền góp và tiền lãi H khoản vay trên thì tổng cộng nợ gốc, lãi còn nợ chị Bé H là 26.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị P không xác định rõ số tiền nợ gốc và lãi đã và chưa trả cụ thể là bao nhiêu, lãi đã trả được tính theo mức lãi suất nào tương ứng thời gian và số tiền nợ gốc bao nhiêu, không có chứng cứ thể hiện việc đã trả nợ gốc và đóng lãi, trong khi chị Bé H không thừa nhận việc chị P có trả lãi. Do chị Bé H cũng thống nhất chỉ yêu cầu chị P thanh toán 26.000.000 đồng như chị P trình bày nên căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự, quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có cơ sở xác

định chị P còn nợ chị Bé H số tiền 26.000.000 đồng và phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Bé H số tiền này là phù hợp.

[2.3] Về tiền hui theo trình bày của chị P: Chị P không cung cấp chứng cứ và không có yêu cầu trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Chị Bé H không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chồng chị P cùng có nghĩa vụ thanh toán nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị Bé H được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên số tiền phải trả theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bé H đối với chị Ngô Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc chị Ngô Thị P có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Bé H số tiền 26.000.000 (H mươi sáu triệu) đồng.

Ghi nhận: Chị Nguyễn Bé H không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu chồng chị Ngô Thị P cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 26.000.000 (H mươi sáu triệu) đồng này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thị P chịu 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Bé H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Bé H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 (bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0016975 ngày 30-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Quyên

